

Số:01/2022/QĐ-GQKN

Lai Châu, ngày 16 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ VIỆC TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIẾN**

Căn cứ khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nghiên cứu đơn khiếu nại của Doanh nghiệp tư nhân thương mại N - Người đại diện theo pháp luật ông Trần Minh B khiếu nại đối với thông báo số 22/2022/TB-TA ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu về việc trả lại đơn khởi kiện.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc trả lại đơn khởi kiện; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, người khởi kiện có khiếu nại tại phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại.

XÉT THẤY:

Ngày 14/12/2021, ông Trần Minh B là người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân thương mại N có đơn khởi kiện về hành vi của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu đã thu giữ xe ô tô tải BKS 27C-01632 cùng 20 tấn đá thuộc quyền sở hữu của Doanh nghiệp ông từ 25/7/2020 đến 11/10/2020 không chế quyền sở hữu tài sản từ ngày 11/10/2020 đến nay; Yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi thu giữ xe nêu trên ước tính với tổng số tiền là 1.090.138.000 đồng - đề nghị Tòa án thụ lý đơn khởi kiện và chấp nhận yêu cầu bồi thường theo đúng quy định tại Luật bồi thường thiệt hại của Nhà nước.

Ngày 11/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành thông báo số 20/TB-TA yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, cụ thể: Bổ sung căn cứ chứng minh quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm, các văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo Điều 8, Điều 9, Điều 17, Điều 18, Điều 52 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Ngày 21/01/2022, ông Trần Minh B gửi phiếu trả lời thông báo số 20/TB-TA nêu trên với nội dung: Ông yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu tạm giữ xe trong thời gian điều tra theo quy định tại Điều 2, khoản 9, khoản 10 Điều 18 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và không bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Ngày 14/02/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành thông báo số 22/TB-TA về việc trả lại đơn khởi kiện vì chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật, cụ thể: Người khởi kiện không cung cấp được văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; văn bản đã có hiệu lực pháp luật xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ hoặc quyết định của cơ quan, người có thẩm

quyền xác định rõ người bị thiệt hại thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường theo điểm b khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 194 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 17, Điều 18, Điều 52 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Không đồng ý với thông báo trên, ngày 22/02/2022 ông Trần Minh B có đơn khiếu nại thông báo trên, với lý do: Doanh nghiệp tư nhân thương mại N thuộc đối tượng được bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 2 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; ông chưa có yêu cầu rút đơn bồi thường, vì vậy ông không hiểu lý do Tòa án áp dụng điều luật trên để trả lại đơn khởi kiện của ông.

Xét thấy: Theo khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 52 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định: Khoản 5 Điều 3: “*Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường là văn bản đã có hiệu lực pháp luật do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, trong đó xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ hoặc là bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự **xác định rõ người bị thiệt hại thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường***”; Khoản 1 Điều 52: “*...kể từ ngày nhận được **văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường**, người yêu cầu bồi thường có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường ...*”.

Theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật. Chưa có đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp pháp luật có quy định về các điều kiện khởi kiện nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó*”.

Căn cứ tài liệu chứng cứ do ông Trần Minh B giao nộp kèm theo đơn khởi kiện, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Doanh nghiệp, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu cung cấp hồ sơ xử lý tin báo tố giác tội phạm và các tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại đối với người bị tố giác là Doanh nghiệp tư nhân thương mại N do ông Trần Minh B là người đại diện theo pháp luật.

Tuy nhiên căn cứ tài liệu, chứng cứ do ông Trần Minh B giao nộp và Tòa án thu thập, chưa có văn bản nào làm căn cứ xác định rõ Doanh nghiệp tư nhân thương mại N do ông Trần Minh B là người đại diện theo pháp luật thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường. Hơn nữa ông Trần Minh B không cung cấp được các văn bản theo như thông báo số 20/TB-TA của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định: Thông báo số 22/TB-TA ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu về việc trả lại đơn khởi kiện là đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 3, Điều 9, Điều 18, khoản 1 Điều 52 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Do đó, căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Trần Minh B khiếu nại việc trả lại đơn khởi kiện của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên việc trả lại đơn khởi kiện theo thông báo số 22/TB-TA ngày 14/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định trả lời khiếu nại về việc trả lại đơn khởi kiện của Thẩm phán, người khởi kiện có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Người khiếu nại;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phan Thị Phương